

Ngày thi: 30/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15				55	100		
1	152210195	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	T17XDD	7.3			6		5.1			HP	0.0	Không		
2	168212044	ĐẶNG TRUNG THÀNH	T17XDD	7.3			4		2.9			5.5	5.2	Năm thấy Hai		
3	168212045	LÊ PHỈ THẠNH	T17XDD	10			6		5.8			HP	0.0	Không		
4	168212735	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	T17XDD	8.2			6.5		4.9			3.5	0.0	Không		
5	178212948	LÊ ĐỨC TUẤN	T17XDD	10			8.5		7.3			4	6.1	Sáu thấy Một		
6	178212949	LÊ TẤN BÌNH	T17XDD	7.7			6.5		5.3			4.5	5.4	Năm thấy Bốn		
7	178212950	PHẠM PHÚC BÌNH	T17XDD	10			6.5		5.3			6	6.6	Sáu thấy Sáu		
8	178212951	LÊ TẤN BÓN	T17XDD	9.1			7		5.1			4	5.4	Năm thấy Bốn		
9	178212952	NGUYỄN HỮU CHÁNH	T17XDD	10			8.5		6.3			4.5	6.2	Sáu thấy Hai		
10	178212953	PHẠM PHONG CHỨC	T17XDD	10			9		8			7	7.9	Bảy thấy Chín		
11	178212955	HỒ VĂN DŨNG	T17XDD	10			8		6.9			4	5.9	Năm thấy Chín		
12	178212956	NGUYỄN THANH DŨNG	T17XDD	0			0		0			HP	0.0	Không		
13	178212957	ĐOÀN MINH GIỚI	T17XDD	9.1			8		5.6			3.5	0.0	Không		
14	178212958	BÙI QUỐC HÀ	T17XDD	10			8		5			4	5.7	Năm thấy Bảy		
15	178212959	ĐỖ QUỐC HOÀNG	T17XDD	10			9		7			7	7.8	Bảy thấy Tám		
16	178212960	VƯƠNG CÔNG HUẤN	T17XDD	6.4			6		3.5			3	0.0	Không		
17	178212961	ĐỖ TIẾN HÙNG	T17XDD	10			8		6.2			5	6.4	Sáu thấy Bốn		
18	178212962	TRẦN DOÃN SONG KHA	T17XDD	5.5			6.5		3.9			3.5	0.0	Không		
19	178212964	TRẦN MINH KHÁNH	T17XDD	8.2			8		6.1			3	0.0	Không		
20	178212966	TRẦN TRUNG KIÊN	T17XDD	10			8		6.7			7.5	7.8	Bảy thấy Tám		
21	178212967	TRƯƠNG VĂN KIỀU	T17XDD	9.5			8.5		6.8			5.5	6.7	Sáu thấy Bảy		
22	178212968	PHẠM XUÂN THANH LÂM	T17XDD	10			9		7.4			6	7.3	Bảy thấy Ba		
23	178212969	VŨ THỊ LIỄU	T17XDD	10			8		6			4	5.8	Năm thấy Tám		
24	178212970	TRẦN NGỌC LONG	T17XDD	8.2			7.5		5.9			4	5.4	Năm thấy Bốn		
25	178212971	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	T17XDD	9.1			7.5		6			4	5.6	Năm thấy Sáu		
26	178212972	VÕ TẤN LƯỢNG	T17XDD	9.1			8.5		6.1			6.5	7.1	Bảy thấy Một		
27	178212973	TRẦN THANH MINH	T17XDD	10			6		5.5			3	0.0	Không		
28	178212974	NGUYỄN VĂN NGHĨA	T17XDD	10			8		6.3			4	5.8	Năm thấy Tám		
29	178212976	PHẠM BÁC NHƠN	T17XDD	10			8.5		6.6			5.5	6.8	Sáu thấy Tám		
30	178212977	LÊ TRUNG PHIÊN	T17XDD	10			8.5		6.6			6	7.1	Bảy thấy Một		
31	178212978	NGUYỄN ĐĂNG PHƯỢNG	T17XDD	7.3			6.5		3.9			2.5	0.0	Không		
32	178212980	VĂN CHÂU THANH SANG	T17XDD	10			8.5		7.2			5	6.6	Sáu thấy Sáu		
33	178212983	NGÔ VĂN THÊM	T17XDD	8.2			8		6.4			4.5	5.9	Năm thấy Chín		
34	178212985	PHAN VĂN THỊNH	T17XDD	9.1			6		4.7			5	5.7	Năm thấy Bảy		
35	178212986	VÕ VĂN THỐNG	T17XDD	4.5			4		3.6			HP	0.0	Không		
36	178212987	MAI VĂN TÌNH	T17XDD	7.3			6		1.9			HP	0.0	Không		
37	178212989	ĐẶNG TRẦN TRI	T17XDD	7.3			8		6.6			2.5	0.0	Không		
38	178212990	TRẦN MINH TRÍ	T17XDD	9.1			4		2.9			2.5	0.0	Không		
39	178212991	ĐẶNG VĂN TUẤN	T17XDD	10			7		5.5			5.5	6.4	Sáu thấy Bốn		
40	178212992	LÊ CÔNG TUẤN	T17XDD	9.1			7		3.3			2	0.0	Không		
41	178212993	TRẦN QUỐC TUẤN	T17XDD	9.1			8		5.6			4	5.6	Năm thấy Sáu		
42	178212995	LÊ HỒNG VƯƠNG	T17XDD	10			8.5		5.5			5.5	6.6	Sáu thấy Sáu		
43	178212996	NGUYỄN DUY KHANH	T17XDD	1.8			1		1.1			V	0.0	Không		
44	178213029	NGUYỄN VĂN THUỜNG	T17XDD	9.1			6.5		6			2	0.0	Không		

Ngày thi: 30/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)							ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú		
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F		SỐ	CHỮ
				15			15		15			55		100	
45	1739	PHẠM TRUY	D15XDDB	6.4			0		2.7			2.5	0.0	Không	48182DT
46	2426	ĐINH HỮU BÌNH	D16XDDB	8.2			4		3.9			4	4.6	Bốn phần Sáu	47210DT
47	2472	NGUYỄN THẾ THUẬN	D16XDDB	9.1			4		5.3			5.5	5.8	Năm phần Tám	41937DT
48	2436	HuỖNH THANH HẬU	D16XDDB	9.1			4		5.1			6	6.0	Sáu	41932DT
49	1468	DUƠNG TÂN CƯỜNG	D17XDD	4.5			0		1.2			V	0.0	Không	45706DT
50	1282	VY VĂN THỜI	K14XDD3	9.1			4		5.1			5	5.5	Năm phần Năm	42265DT
51	0222	TRẦN THẾ MÃNH	T14XDD2	8.2			5		5.5			4.5	5.3	Năm phần Ba	47614DT
52	2022	NGUYỄN SỸ NGUYỄN	T16XDD	6.8			4		3.5			1.5	0.0	Không	47313DT
53	1998	PHẠM VĂN HẠNH	T16XDD	8.2			4		4.3			3.5	0.0	Không	47266DT
54	2014	NGUYỄN TẤN LỰC	T16XDD1	5.5			0		1.3			3.5	0.0	Không	40735DT
55	2037	ĐẶNG VĂN SỸ	T16XDD2	9.1			4		5.3			5	5.5	Năm phần Năm	40657DT
56	2033	VÕ MINH QUỐC	T16XDD2	8.2			4		4.3			5	5.2	Năm phần Hai	41323DT
		HÀ XUÂN HÙNG	K14XDD	2.7			0		1.3				0.0	Không	
		NGUYỄN DUY HÂN	D15XDDB	1			0		1.1				0.0	Không	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	34	61%	
2	Số sinh viên nợ	22	39%	
TỔNG CỘNG :		56	100%	

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 01 năm 2014

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân